

Bản án số: 155/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Kim Tuyến
Bà Nguyễn Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2025/QĐ-ST ngày 25/08/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Diệp Văn H, sinh ngày 12/02/1983 (vắng mặt)

Căn cước công dân: 024083010390

Nơi cư trú: thôn Đ, xã P, tỉnh N.

Anh H ủy quyền cho anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1995; Nơi cư trú: xóm 6, xã H, tỉnh N giao nhận văn bản tố tụng với Tòa án.

2. Bị đơn: Chị Đào Thị L, sinh ngày 24/02/1985 (vắng mặt)

Căn cước công dân: 024185017110

Nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam: thôn Đ, xã P, tỉnh N. Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Diệp Văn H (có xác nhận của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài B) trình bày:

Về hôn nhân: anh, chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 09/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh B (nay là xã P, tỉnh N). Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Thời gian gần đây bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính cách vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thường xuyên và trầm trọng hơn không có cách nào giải quyết. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này ảnh hưởng đến cuộc sống và công việc của cả hai. Anh xác định vợ chồng ly thân từ khoảng giữa năm 2022. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đào Thị L.

Về con chung: anh, chị có 02 con chung là cháu Diệp Thị Thu A, sinh ngày 10/4/2005 và cháu Diệp Thị Thu B, sinh ngày 14/8/2016. Sau ly hôn anh đề nghị giao cháu B cho anh là người trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu A trên 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đào Thị L là bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh H được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh B (nay là xã P, tỉnh N). Sau khi kết hôn chị về nhà anh H làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh H đi lao động tại Đ, sau một thời gian chị cũng sang Đ lao động. Sang Đ vợ chồng đoàn tụ và chung sống hòa thuận. Đến đầu năm 2024 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay chị xác định tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: anh, chị có 02 con chung là cháu Diệp Thị Thu A, sinh ngày 10/4/2005 và cháu Diệp Thị Thu B, sinh ngày 14/8/2016. Cháu B hiện đang sinh sống cùng chị. Sau ly hôn chị đề nghị giao cháu B cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu A trên 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Diệp Thị Thu B trình bày: Cháu hiện đang sinh sống cùng mẹ và ông bà ngoại. Nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn sinh sống cùng mẹ.

Tại phiên tòa, anh H, chị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh H, chị L và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Diệp Văn H; xử:

Về hôn nhân: anh Diệp Văn H được ly hôn chị Đào Thị L.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Diệp Thị Thu B, sinh cho chị Đào Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Anh H khởi kiện xin ly hôn chị L và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh H hiện đang lao động tại Đ, chị L là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Ninh. Do đó, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Đối với ông Diệp Văn Báo sau khi Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ xét thấy không có quyền, nghĩa vụ nào trong vụ án nên không đưa vào tham gia tố tụng.

[4]. Về hôn nhân: Anh H và chị L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh B (nay là xã P, tỉnh N). Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị L.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh H, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh H, chị L chung sống hòa thuận đến đầu năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân đến nay. Nay anh H, chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh H, chị L đã có một thời gian dài sống ly thân, hiện nay vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H với chị L là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Anh H, chị L có 02 con chung là cháu Diệp Thị Thu A, sinh ngày 10/4/2005 và cháu Diệp Thị Thu B, sinh ngày 14/08/2016. Hiện nay cháu B đang sinh sống cùng chị L. Sau khi ly hôn anh H đề nghị giao con chung cho anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L đề nghị giao con chung cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh H, chị L sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử thấy: Anh H hiện đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo nuôi con chung. Cháu B có nguyện vọng được sinh sống cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Cháu B hiện đang sinh sống ổn định cùng chị L, cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ nhỏ cần giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo hơn giao cho anh H nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu giao cháu B cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn anh Diệp Văn H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp anh Diệp Văn H có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh H, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản chung, công nợ chung: Do anh H, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Diệp Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

[9]. Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, anh H đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, chị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Diệp Văn H.

1. Về hôn nhân: Anh Diệp Văn H được ly hôn chị Đào Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Diệp Thị Thu B, sinh ngày 14/8/2016 cho chị Đào Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Diệp Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Diệp Văn H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005550 ngày 26/6/2025 của Cục Thi hành án

dân sự tỉnh Bắc Giang (nay là Thị hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh). Xác nhận anh Diệp Văn H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Đào Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Diệp Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Đông Phú, tỉnh Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Gia Lương